

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 27/11/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD2+PPD	7:25	3+17	0+0		1+21	0+0	
2		CTK3+P9	7:25	17+4	0+0		18+4	0+0	
3		BK21+P4+P2	7:25	1+14+0	0+0+0		0+15+7	0+0+0	
4		RP3+CTK3	9:25	10+8	0+0		9+13	0+0	
5		SAVR+CTC1+RP3	9:25	12+0+6	0+0+0		11+4+7	0+0+0	
6		P10+C10	11:25	19+1	0+0		16+6	0+0	
7		BK10+PPD	11:25	8+9	0+0		4+18	0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 27/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO: BK21 - P4 - P2	CREW: NAM - LINH - NNAM	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 3		VNHS FLIGHT: TM25/4720	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	QUÁCH THANH ĐỘ	BK21	37	1	10			65	DK9	Vietnamese
2	NGUYỄN LÊ HUY	P4	62	1	6	6	110	71	KHI	Vietnamese
3	NGUYỄN HỒNG PHÚC	P4	63	1	7			74	KHI	Vietnamese
4	NGÔ THANH LÂM	P4	67	1	3			66	KHI	Vietnamese
5	LÊ VĂN MẠNH	P4						56	KHI	Vietnamese
6	PHẠM QUỐC DUY	P4	70	1	4			60	KHI	Vietnamese
7	NGUYỄN THANH GIÁP	P4	66	1	5			66	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN MINH CANG(*)	P4	61	1	5			78	KHI	Vietnamese
9	OVCHARENKO ANDREI	P4	73	1	7			85	KHI	Russian
10	ZAGUDAEV VITALI	P4	69	1	5			80	KHI	Russian
11	VŨ ĐÌNH CƯỜNG	P4	71	1	5			78	KHI	Vietnamese
12	ĐƯƠNG ĐÌNH HIỀN(*)	P4	65	1	4			65	KHI	Vietnamese
13	LÊ QUANG VINH	P4	68	1	7			71	KHI	Vietnamese
14	BUI ĐĂNG TIẾN	P4	72	1	8			69	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN VIỆT THĂNG	P4	64	1	6			76	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK21	1	65	1	10	0	0	0		
2	P4	14	995	13	72	6	110	15		
3	P2	0	0	0	0	0	0	7		
TOTAL		15	1.060	14	82	6	110	22		
WEIGHT KG			1.060		82		110			

GRAND TOAL: 1.252 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

NGUYEN MAI PHI

CREW

TRẦN HỒNG NAM

NGÔ VĂN LINH



FLIGHT MANIFEST



DATE: 27/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
B.CARD: XANH-2	TO:RP3 - CTK3	CREW: DUONG - NPHU - TU	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 4		VNHS FLIGHT: TM25/4718	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	AKOPOV D.A.	RP3	100	1	4			87	KH-THAC	Russian
2	PHAM NGOC HUNG	RP3	93	1	6			84	KHI	Vietnamese
3	TRAN THANH ĐỨC	RP3	95	1	5			101	KHI	Vietnamese
4	VU MANH CUONG	RP3	96	1	8	1	13	72	KHI	Vietnamese
5	PHAM HOANG NGUYEN	RP3	97	1	5			67	KHI	Vietnamese
6	PHAM QUOC KHANH	RP3	98	1	5			83	KHI	Vietnamese
7	HOANG VAN HAI	RP3	94	1	8			64	KHI	Vietnamese
8	NGUYEN VAN HANH	RP3	90-91	2	12			58	CODIEN	Vietnamese
9	TRAN MINH TUNG	RP3	98	1	14			77	CODIEN	Vietnamese
10	LUU VAN DAN	RP3	92	1	13			64	CODIEN	Vietnamese
11	NGUYEN QUANG NAM	RP3	82	1	2			65	KHI	Vietnamese
12	NGUYEN XUAN ANH	CTK3	58	1	6	1	12	80	PSV	Vietnamese
13	HOANG VAN BAC	CTK3				1	13	67	PSV	Vietnamese
14	PHAN CONG SAM	CTK3	59	1	4	5	85	64	PSV	Vietnamese
15	NGUYEN ĐANG TUNG	CTK3	56	1	4			65	PSV	Vietnamese
16	NGUYEN TIEN CAN	CTK3	55	1	7			65	PSV	Vietnamese
17	NGUYEN KIM NIEN	CTK3	57	1	5			56	PSV	Vietnamese
18	LE ANH CUONG	CTK3	53-54	2	18	2	31	73	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP3	11	822	12	82	1	13	9		
2	CTK3	7	470	7	44	9	141	13		
TOTAL		18	1.292	19	126	10	154	22		
WEIGHT KG			1.292		126		154			

GRAND TOAL: 1.572 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG

ĐÀO NGỌC PHÚ



FLIGHT MANIFEST



DATE: 27/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:55
B.CARD: CAM-2	TO:SAVR - CTC1 - RP3	CREW: NAM - LINH - NNAM	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 5		VNHS FLIGHT: TM25/4721	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	GUZ MAKSIM	SAVR	35-36	2	13			81	AMNGR	Russian
2	LAPUKHIN VLADIMIR	SAVR	47-48	2	8			87	AMNGR	Russian
3	IURIN VLADIMIR	SAVR	31-32	2	15			78	AMNGR	Russian
4	TERESHONOK MAXIM	SAVR	43-44	2	14			80	AMNGR	Russian
5	KUZNETSOV PAVEL	SAVR	41-42	2	11			88	AMNGR	Russian
6	ZAPOLSKIKH ANTON	SAVR	45-46	2	9			111	AMNGR	Russian
7	KALMYKOV VLADIMIR	SAVR	40	1	15			115	AMNGR	Russian
8	BUSTAEV FARKHAT	SAVR	29-30	2	15			91	AMNGR	Russian
9	KIZIN DMITRII	SAVR	38-39	2	9			92	AMNGR	Russian
10	SERGEEV SERGEI	SAVR	33-34	2	11			81	AMNGR	Russian
11	NGUYEN VAN HUNG	SAVR	49	1	6			70	AMNGR	Vietnamese
12	MAI THIEN HA	SAVR	50	1	9	2	14	76	AMNGR	Vietnamese
13	SOSNIN DENIS	SAVR	37	1	7			95	VTB	Russian
14	TRINH CONG SON	RP3	56	1	17			53	CODIEN	Vietnamese
15	DANG TRONG DUNG	RP3	81-82	2	14	3	27	67	CODIEN	Vietnamese
16	VO DON LONG	RP3	55	1	4			74	KHI	Vietnamese
17	KHONG TIEN DUNG	RP3	85	1	10			78	KHI	Vietnamese
18	MUHAMAD IMRAN BIN SUHAIMI	RP3	86	1	8	2	24	74	KHI	Malaysian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	SAVR	13	1.145	22	142	2	14	11		
2	CTC1	0	0	0	0	0	0	4		
3	RP3	5	346	6	53	5	51	7		
TOTAL		18	1.491	28	195	7	65	22		
WEIGHT KG			1.491		195		65			

GRAND TOAL: 1.751 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THỦY ANH

CREW

TRẦN HỒNG NAM
NGÔ VĂN LINH



FLIGHT MANIFEST



DATE: 27/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:10
B.CARD: XANH-3	TO: P10 - CLO	CREW: VTHANG - HTRUNG - HUY	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 6		VNHS FLIGHT: TM25/4719	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	PHAM HIEU LIEM	P10	53	1	6	2	20	66	KH-THAC	Vietnamese
2	TRAN MANH CUONG	P10	72-73	2	14			71	CODIEN	Vietnamese
3	TRAN DINH THO	P10	54	1	10			80	XAYLAP	Vietnamese
4	DUONG MINH HOANG	P10	59	1	12			67	XAYLAP	Vietnamese
5	PHAM MINH TRUNG	P10	55	1	13			85	XAYLAP	Vietnamese
6	LE NHU HUAN	P10	60-61	2	15			80	XAYLAP	Vietnamese
7	BUI VAN TUAN	P10	56	1	18			83	XAYLAP	Vietnamese
8	TRAN VAN MINH(*)	P10	69	1	9	1	15	59	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYEN TRAN VINH	P10	62	1	13			59	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYEN ĐANG HIEU	P10	57-58	2	19			59	XAYLAP	Vietnamese
11	NGO QUANG PHUC	P10	70-71	2	19			69	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYEN TUAN DAT	P10	67	1	6	1	14	84	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYEN QUANG VINH	P10	68	1	10			77	XAYLAP	Vietnamese
14	LE NGUYEN	P10	75	1	8	2	41	79	NIPI	Vietnamese
15	NGUYEN HUY HOANG(*)	P10	74	1	6			73	NIPI	Vietnamese
16	HO NGOC THANH	P10	64	1	6			55	PSV	Vietnamese
17	TRAN TUAN ANH	P10	63	1	9			76	PSV	Vietnamese
18	PHAM MINH TAM(*)	P10	66	1	9			59	PSV	Vietnamese
19	NGUYEN ANH QUANG	P10	65	1	6			61	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P10	19	1.342	23	208	6	90	16		
2	CLO	0	0	0	0	4	57	6		
TOTAL		19	1.342	23	208	10	147	22		
WEIGHT KG			1.342		208		147			

GRAND TOAL: 1.697 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN MAI PHI

CREW

NGÔ VĂN THẮNG
 NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 27/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:15
B.CARD: CAM-3	TO: BK10 - PPD	CREW: HUNG - N.CUONG - VU	ETA: 14:05
VSP FLIGHT: 7		VNHS FLIGHT: TM25/4722	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYEN VAN THUONG	BK10	44	1	9			67	KH-THAC	Vietnamese
2	VU NGOC TUAN	BK10	43	1	12	2	25	63	DUY LINH	Vietnamese
3	NGUYEN HUU HOANG	BK10	37	1	8			60	DUY LINH	Vietnamese
4	TRAN VAN TU	BK10	36	1	8			63	DUY LINH	Vietnamese
5	TRAN DUY PHUONG	BK10	41	1	10			80	DUY LINH	Vietnamese
6	NGUYEN HOANG TAM	BK10	38	1	10			76	DUY LINH	Vietnamese
7	DO VAN KIEN	BK10	42	1	2			87	DUY LINH	Vietnamese
8	NGUYEN TAN VUONG	BK10	39-40	2	16			73	DUY LINH	Vietnamese
9	LE TRUNG LAN	PPD	93	1	4			81	KHI	Vietnamese
10	BUI NGOC HUONG	PPD	94	1	6			63	KHI	Vietnamese
11	NGUYEN NGOC KHUYEN	PPD	96	1	4			75	KHI	Vietnamese
12	NGUYEN ANH TU	PPD	95	1	7	4	63	77	KHI	Vietnamese
13	LE THANH TRUNG	PPD	89	1	4			66	KHI	Vietnamese
14	NGUYEN THE HUNG	PPD	92	1	6			68	KHI	Vietnamese
15	HOANG XUAN DONG	PPD	91	1	6			63	PSV	Vietnamese
16	TA QUANG PHUC	PPD	88	1	4			106	PSV	Vietnamese
17	LY CHUYEN CHIEU	PPD	90	1	4			106	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK10	8	569	9	75	2	25	4		
2	PPD	9	705	9	45	4	63	18		
TOTAL		17	1.274	18	120	6	88	22		
WEIGHT KG			1.274		120		88			

GRAND TOAL: 1.482 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

NGUYEN THI HANG

CREW

LÊ QUÝ HUNG

PHAN NHU CUONG